TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 474/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Bình Minh

2. Bà Hoàng Mỹ Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1971; thường trú: đường DC, Phường MM, Quận XI, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: đường LBT, Phường MH, Quận XI, Thành phố H; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1966; thường trú: đường DC, Phường MM, Quận XI, Thành phố H; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu rồi sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông T thường xuyên có hành vi đánh đập, chửi bới bà D và bà D có đến trình báo với Công an Phường 11, Quận 11. Lần gần đây nhất ông T đánh bà D là vào cuối tháng 5/2019 gây thương tích

cho bà D ở mắt trái. Ngoài ra ông T còn sử dụng nhiều từ ngữ thô tục, hăm dọa bà D. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung: Trương Hoàng N (nam), sinh ngày: 15/9/2001; Trương Hoàng Ph (nam), sinh ngày 29/10/2007. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Văn T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu rồi sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 19/11/1999. Hai bên có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do giấy tờ nhân thân của ông T bị trục trặc nên không thể đăng ký kết hôn được, sau này sống chung với nhau rồi nên không đăng ký kết hôn luôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hằn học với nhau, cãi vãi suốt ngày. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên ông T đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung có 02 con chung: Trương Hoàng N (nam), sinh ngày: 15/9/2001; Trương Hoàng Ph (nam), sinh ngày 29/10/2007. Ông T đồng ý giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành trình tư tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành trình tự tố tụng đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trương Văn T, bị đơn hiện cư trú tại Quận 11 nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/7/2019 nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn T tự nguyện tìm hiểu từ năm 1992 rồi sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 19/11/1999, không có đăng ký kết hôn.

Khi Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 có quy định: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định...thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*

Khoản 3 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"*

Xét thấy, bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn T là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, bà D và ông T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên bà D, ông T không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống bà D khai ông T thường xuyên có hành vi đánh đập, chửi bới, bà D có đến trình báo với Công an Phường 11, Quận 11. Lần gần đây nhất ông T đánh bà D là vào cuối tháng 5/2019 gây thương tích cho bà D ở mắt trái. Ngoài ra ông T còn sử dụng nhiều từ ngữ thô tục, hăm dọa nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Tại biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai, ông T cũng xác định mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hằn học với nhau, cãi vã suốt ngày, ông T đồng ý ly hôn với bà D. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn T.

[4] Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của trẻ Trương Hoàng Ph và Trương Hoàng N là được ở với bà D; ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng; Do đó, giao trẻ Ph và trẻ N cho bà D trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 1 Điều 53, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Trương Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi 02 con chung là trẻ Trương Hoàng N (nam), sinh ngày 15/9/2001; Trương Hoàng Ph (nam), sinh ngày 29/10/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Văn T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì quyền, lợi ích của con, việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung có thể được thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010324 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND TP.HCM;*
- *VKSND Quận 11;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hoài